TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ - ST
Ngày 01 tháng 3 năm 2024
"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nam; Ông Nguyễn Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 5792/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về "Yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Trọng H, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Số B, đường T, khóm G, phường M, Tp.L, tỉnh An Giang.

(Ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Trần Thị H1, sinh năm 1984. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số A, đường R, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số B, đường T, phường M, Tp.L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Trần Trọng H trình bày: Năm 2009, Ông H và bà H1 quen biết, tìm

hiểu và tiến tới hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xảy cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông H và bà H1 dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà H1. Về con chung, ông và bà H1 có 01 con chung tên Trần Thị Trúc L, sinh ngày 26/9/2011, hiện ông H đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Thị H1 vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bị đơn.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Về con chung: giao cháu Trần Thị Trúc L, sinh ngày 26/9/2011 cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án cấp tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vắng lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, mặc dù cả hai người đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn đã không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân giữa các bên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng, đồng thời xem xét quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn đối với con trong trường hợp các bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Ông H và bà H1 có 01 con tên Trần Thị Trúc L, sinh ngày 26/9/2011, hiện ông H đang chăm sóc, nuôi dưỡng con và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con nhưng bà H1 không có ý kiến phản đối. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học hành cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của ông H, Hội đồng xét xử chấp nhận giao quyền cho ông H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông H không yêu cầu.

[4] tài sản chung, nợ chung: Không có

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Trọng H và bà Trần Thị H1 là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông H và bà H1 có 01 con tên Trần Thị Trúc L, sinh ngày 26/9/2011. Ông H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Trọng H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001280 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

(Giải thích điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A dân sự Tp.L;
- VKSND Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Phước, Tp.L;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam